

# **ĐỔI MỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC DÂN SỐ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NƯỚC TA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY**

## ***INNOVATING THE POPULATION EDUCATION AT UNIVERSITIES IN THE CURRENT SITUATION***

LÊ ĐÌNH SƠN

*Văn phòng Đại học Đà Nẵng*

### **TÓM TẮT**

Giáo dục dân số có vai trò rất quan trọng trong quá trình thực hiện chính sách dân số, một trong những nhân tố quyết định chất lượng cuộc sống của xã hội trong tương lai. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục dân số ở các trường đại học là việc làm có nhiều ý nghĩa hiện nay. Nơi đây tất cả thanh niên đều có trình độ học vấn nhất định, vì vậy hiệu quả tác động và tầm ảnh hưởng sẽ vượt ra ngoài nhận thức của cá nhân mỗi người. Các giải pháp được đề cập đến bao gồm các vấn đề về tổ chức và quản lý Giáo dục dân số, sử dụng các tình huống sư phạm.

### **ABSTRACT**

Population education (PE) plays an important role in implementing population policies. It is also a factor deciding the quality of life in the future society. Raising the quality of PE at universities is of a great importance. PE will bring great effects and its strong influences will go beyond of the awareness of each individual because University students are well-educated and highly-cultured young people. The solutions mentioned involves the issues of PE organization and management as well as their implementation through teaching contexts.

## **1. Đặt vấn đề**

Học thuyết Mác - Lê nin đã khẳng định: sản xuất vật chất và tái sản xuất dân cư, suy cho cùng, là nhân tố quyết định sự phát triển của xã hội loài người. Chỉ khi nào quá trình tái sản xuất con người ở mức hợp lý, tức là số dân và nhịp độ gia tăng dân số phù hợp với nền sản xuất vật chất thì xã hội mới phát triển, chất lượng cuộc sống của con người mới được nâng cao.

Phát triển xã hội suy cho cùng là nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Chất lượng cuộc sống của xã hội phụ thuộc nhiều vào số lượng và chất lượng dân số (DS). Chất lượng đời sống của mỗi gia đình phụ thuộc trực tiếp vào qui mô của gia đình đó.

Học thuyết Mác - Lênin cũng khẳng định con người có đủ khả năng để điều khiển các quá trình DS theo mong muốn của mình nhằm phục vụ cho sự phát triển của xã hội, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Mỗi quốc gia, để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tất yếu phải tiến hành giáo dục dân số (GDĐS) và thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình (DS-KHHGĐ) nhằm mục đích điều khiển quy mô dân số hợp lý cho toàn xã hội.

Thực tế công tác GDĐS trong những năm qua ở nước ta cho thấy, GDĐS là việc cần làm liên tục, thường xuyên. Công tác GDĐS phải được quản lý và tổ chức tốt từ tầm vĩ mô

đến vi mô mới đem lại hiệu quả cao. Một trong những nhân tố quan trọng giữ vai trò nòng cốt trong công tác này là vấn đề đổi mới GDĐS trong các trường đại học

## **2. Vài nét về tình hình công tác DS và GDĐS ở nước ta**

Đảng và Nhà nước ta đã sớm quan tâm đến chính sách DS và KHHGD. Nhà nước đã có nhiều văn bản chỉ đạo công tác DS (nghị quyết, nghị định, quyết định, chương trình, kế hoạch chiến lược, pháp lệnh). Đã ban hành các chính sách, luật pháp điều chỉnh vấn đề sinh sản, tổ chức tuyên truyền, mở rộng dịch vụ, tăng cường phương tiện, kỹ thuật cho công tác KHHGD; nâng cao chất lượng DS bằng các chính sách phát triển giáo dục - đào tạo, dạy nghề, đa dạng hóa ngành nghề đào tạo, chuyển đổi cơ cấu lao động; thực hiện các chính sách điều chỉnh DS như di cư, xây dựng vùng kinh tế mới và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Công tác GDĐS-KHHGD đã tạo được chuyển biến mạnh cả về nhận thức, tổ chức thực hiện và kết quả. Theo đánh giá ngày 26.12.2006 của UB Dân số - Gia đình - Trẻ em thì dân số của nước ta là 84 triệu người, thấp hơn 6 triệu so với mục tiêu đặt ra. Cơ cấu dân số đã chuyển từ cơ cấu dân số trẻ sang giai đoạn cơ cấu tuổi thuận lợi, với nguồn nhân lực dồi dào nhất từ trước đến nay (64,5% trong độ tuổi lao động). Xu hướng đạt tới mức sinh "thay thế" là hiện thực. Chỉ số phát triển con người của Việt Nam đã liên tục tăng trong 2 thập kỷ vừa qua, đạt 0,704 điểm, xếp thứ 108/177. Tầm vóc trung bình của thanh niên 18 - 19 tuổi đã tăng 4 - 4,5cm so với năm 1975.

Tuy nhiên, để đảm bảo số lượng và chất lượng dân số hợp lý cho sự phát triển bền vững của đất nước, chúng ta phải thường xuyên nỗ lực nhiều trong công tác GDĐS. Thực trạng dân số nước ta cho thấy Việt Nam đã trở thành một cường quốc về dân số trên thế giới (trong khi về kinh tế chỉ là nước đang phát triển); mật độ dân số nước ta cao gấp 6-7 lần "mật độ chuẩn", sự phân bố dân cư không đồng đều giữa các vùng miền, khu vực; tỷ lệ gia tăng dân số tương đối cao; sự mất cân đối giới tính hiện đang có dấu hiệu nghiêm trọng, nếu không ngăn chặn được sẽ dẫn đến hậu quả xã hội nặng nề; chất lượng dân số còn thấp (HDI: 108/177 nước).

Công tác quản lý và tổ chức GDĐS trong xã hội chưa thường xuyên, liên tục, có những giai đoạn chững lại do thỏa mãn với kết quả đạt được. Chính sách KHHGD được thực hiện tốt hơn ở các thành phố, các cơ quan nhà nước, nhưng hạn chế ở các vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa và khu vực kinh tế tư nhân. Chưa có chính sách DS - KHHGD phù hợp với vùng miền, thiếu giải pháp đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng mất cân bằng giới tính. Mục tiêu nâng cao chất lượng DS đã được các ngành, các cấp quan tâm, nhưng kết quả còn nhiều hạn chế.

## **3. Quản lý và tổ chức công tác GDĐS trong nhà trường đại học**

3.1. GDĐS trong thanh thiếu niên là nhiệm vụ trọng tâm đối với mỗi quốc gia, bởi lẽ đây là lực lượng quyết định sự thành công của chính sách DS trong tương lai.

Kết quả nghiên cứu của công trình "Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam" năm 2003 do Bộ Y tế và Tổng cục Thống kê thực hiện với sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF) đã cho các số liệu rất đáng lưu ý. Theo đó, thanh niên đã từng có người yêu ở tuổi 18-21 là 42,2%, tuổi 22 - 25 là 64%. Trong số những người tham gia phỏng vấn, có đến 26,8% nữ thanh niên chưa lập gia đình có quan hệ tình dục trước hôn nhân trả lời là đã từng mang thai. Số liệu điều tra năm 1998 của Trung ương Đoàn Thanh niên cũng cho biết 1/3 số ca hút điều hòa kinh nguyệt là nhóm nữ chưa lập gia đình. Điều này cho thấy tồn tại về các vấn đề tránh thai, kiến

thức về thai nghén, kỹ năng thuyết phục về tình dục an toàn trong thanh niên còn rất hạn chế. Một vấn đề khác gây không ít lo ngại: kết quả khảo sát cho thấy nam độc thân ở độ tuổi 18 - 21 đã có quan hệ tình dục có quan hệ với gái mại dâm ở thành thị là 33,5 % và ở độ tuổi 22 - 25 là 19,1%. Trong khi đó, thái độ chung của thanh niên đối với việc sử dụng bao cao su khá tiêu cực. Ví dụ: 50% các đối tượng trả lời phỏng vấn cho biết những người dùng bao cao su chủ yếu do có quan hệ không đứng đắn. Ngoài ra, có 30,2% nói rằng bao cao su chỉ dành cho gái mại dâm hoặc người không chung thủy.

Kết quả điều tra cho thấy số thanh niên trả lời là đã "nghe nói" về KHHGD và thai nghén/chu kỳ kinh nguyệt chiếm tỷ lệ khá cao - 77,7%, nhưng khi hỏi về kiến thức thời điểm dễ có thai trong chu kỳ kinh nguyệt chỉ có dưới 30% trả lời đúng. Như vậy, "nghe nói" chưa chắc đã nói lên kiến thức và hiểu biết đúng trong lĩnh vực đó.

Những phân tích trên đây cho thấy, kết quả công tác GDDS cho thanh thiếu niên còn hạn chế. Mấy năm gần đây, trong các nhà trường phổ thông, nội dung GDDS đã được xây dựng và đưa vào chương trình giảng dạy, hoạt động ngoài giờ lên lớp. Tuy nhiên, hình thức GDDS còn thiếu phong phú, khô cứng, chưa gây được hứng thú đối với học sinh.

Trong các trường đại học hiện nay, ngoài kiến thức chung được giảng dạy qua các bộ môn Giáo dục chính trị, Địa lý, Tâm lý học, Giáo dục học, Môi trường (tùy thuộc cấu trúc ngành học), GDDS hiện được thực hiện chủ yếu qua các đợt tuyên truyền do Ban Công tác học sinh, sinh viên hoặc Đoàn Thanh niên tổ chức khi có dự án, chương trình của Nhà nước, Ngành, hoặc theo kế hoạch truyền thông của Ủy ban DS-KHHGD. Nói cách khác, công tác GDDS chỉ được làm "theo mùa vụ". Hiện chưa có kế hoạch toàn diện của cả khóa học cho công tác này.

3.2. Từ phân tích thực trạng trên đây cho thấy cần phải tăng cường công tác GDDS trong xã hội nói chung và nhà trường nói riêng. Những hạn chế của công tác GDDS trong những năm qua cần được khắc phục kịp thời qua việc tăng cường công tác này ở các trường đại học. Đây là nơi quy tụ thanh niên có học vấn ở trình độ cao, vì vậy hiệu quả tác động và tầm ảnh hưởng sẽ vượt ra ngoài nhận thức của cá nhân mỗi người. Hơn nữa, GDDS phải là việc làm thường xuyên, kinh nghiệm cho thấy nếu bỏ dở dang nửa chừng như trong thời gian qua tất yếu sẽ dẫn đến các hậu quả tiêu cực, không mong muốn.

Để công tác GDDS trong các trường đại học có hiệu quả cao, cần đưa hoạt động GDDS vào nề nếp theo hướng sau:

#### 3.2.1. Kế hoạch hóa công tác GDDS

- Phải xây dựng kế hoạch GDDS cho toàn khóa học, từng năm học, học kỳ, bao gồm kế hoạch chung của nhà trường, kế hoạch chuyên môn của ngành học, môn học, giáo dục chuyên đề, ngoại khóa, kế hoạch hoạt động của CĐ, ĐTN, kế hoạch của Ban GDDS - KHHGD.

Nên có chuyên đề bắt buộc về GDDS (thời lượng tùy theo ngành học - nâng cao đối với các ngành sư phạm và các ngành liên quan nhiều đến hoạt động xã hội).

- Mục tiêu và kế hoạch được xác định dựa vào nhiệm vụ năm học của ngành học, văn bản hướng dẫn của Ngành và địa phương, tình hình cụ thể của địa phương, tình hình và điều kiện cụ thể của nhà trường: về đội ngũ, cơ sở vật chất, đời sống....

- Xây dựng các chuẩn kiến thức và kỹ năng cho môn học, chuyên đề GDDS như yêu cầu đối với các môn học khác.

### 3.2.2. Tổ chức thực hiện

- Tổ chức các lực lượng thực hiện: Thành lập Ban GDDS-KHHGD của nhà trường; phối hợp các lực lượng GDDS trong và ngoài nhà trường (Phòng, ban chức năng, khoa, tổ bộ môn, giảng viên, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Y tế; Ban, hội, chính quyền, đoàn thể địa phương, các cơ quan, tổ chức truyền thông, tư vấn về DS - KHHGD).

- Các trường, các khoa đều phân công cán bộ chuyên môn trong hệ thống quản lý đào tạo trực tiếp triển khai, theo dõi thực hiện công tác GDDS.

### 3.2.3. Chỉ đạo thực hiện

- Chỉ đạo thực hiện nội dung GDDS theo kế hoạch dạy học chuyên đề đã thiết kế, qua các môn học, hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

- Nội dung hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp được lựa chọn theo chủ đề: Ngày DS thế giới 11.7, Tuần lễ DS trong nhà trường 20.10 - 20.11, Ngày DS Việt Nam 26.12; theo chủ đề: tình bạn, tình yêu, hôn nhân gia đình, tình dục và sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, DS và phát triển, truyền thống văn hóa dân tộc và lễ sống của thanh niên, các vấn đề của nhân loại như bệnh tật, đói nghèo, DS, môi trường, hòa bình, hợp tác giữa các dân tộc, tệ nạn xã hội...

- Hình thức tổ chức phong phú thu hút sinh viên (như thi hỏi đáp về các chủ đề GDDS; trình diễn thời trang...) liên quan đến nhận thức, thái độ của sinh viên về vấn đề DS; thi hùng biện, tư vấn, giải quyết các tình huống; trình bày tiểu phẩm, biểu diễn văn nghệ, thi vẽ tranh, truyền thông DS; hoạt động xã hội về GDDS.

- Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ công tác GDDS (tủ sách, tài liệu, đồ dùng, phương tiện dạy học, truyền thông); bố trí và huy động các nguồn kinh phí cho hoạt động GDDS.

### 3.2.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động GDDS

- Cùng với các hình thức kiểm tra, đánh giá thông thường (dự giờ, kiểm tra hồ sơ giảng dạy, bài vở, kết quả học tập, theo dõi hoạt động GDDS ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp, so sánh kết quả thực hiện với kế hoạch), cần tiến hành khảo sát nhận thức thực tiễn của sinh viên, đánh giá khả năng tổ chức hoạt động xã hội có nội dung GDDS của sinh viên.

- Phân tích nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện.

## 4. Sử dụng tình huống sư phạm trong GDDS ở trường Đại học Sư phạm

Công tác GDDS được thực hiện trong nhà trường từ mầm non đến trung học phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp. Nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDDS ở mỗi cấp học, bậc học phải phù hợp với tâm sinh lý, lứa tuổi mới thu được hiệu quả mong muốn.

Công tác GDDS ở các trường đại học là sự nối tiếp những gì sinh viên đã tích lũy được ở trường phổ thông. Đối với trường đại học sư phạm (ĐHSP) GDDS có vai trò đặc biệt quan trọng, bởi lẽ sinh viên sư phạm là những người sẽ tiếp tục công việc này trong tương lai. Trong nhà trường sư phạm, GDDS giảng dạy theo chuyên đề (bắt buộc) là một lựa chọn cần thiết và phù hợp. Ngoài mục đích cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về tình hình dân số, những khái niệm cơ bản về dân số học, chính sách dân số, còn trang bị cho họ nghiệp vụ sư phạm, phương pháp GDDS trong trường phổ thông sau này. Do vậy, cùng với các hình thức dạy học thông thường, cần đưa vào chương trình các hình thức GDDS có đặc trưng sư phạm.

Những hình thức này vừa phải sinh động, gây hứng thú, lại phải thu hút được sự tham gia của nhiều thành viên, bồi dưỡng được cho họ kỹ năng tổ chức GDDS ở trường trung học phổ thông.

Một trong các hình thức đó là sử dụng tình huống sư phạm (THSP) trong GDDS.

#### 4.1. Khái quát về việc sử dụng THSP trong dạy học:

Cơ sở của việc sử dụng THSP trong quá trình dạy học là sự vận dụng quan điểm của phương pháp dạy học nêu vấn đề, phương pháp sư phạm tương tác và quan điểm lấy người học làm trung tâm. Sử dụng THSP giúp kích thích thái độ học tập tích cực của sinh viên; giúp họ lĩnh hội tri thức, củng cố tri thức; rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo.

#### 4.2. Mục đích của việc sử dụng THSP trong quá trình dạy học GDDS:

- Làm cho môn học, bài học trở nên sinh động hơn, hấp dẫn, lôi cuốn hơn, khắc phục được tình trạng khô cứng của các số liệu. Giúp sinh viên dễ hiểu, dễ nhớ, nhớ lâu và nắm vững tri thức, những kỹ năng tương ứng.

- Hình thành, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng lựa chọn, tổ chức các THSP trong GDDS ở trường trung học phổ thông.

- Phát huy được năng lực sáng tạo trong sinh viên, tạo nên thái độ học tập tích cực. Đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao chất lượng học và dạy GDDS.

#### 4.3. Những nguyên tắc lựa chọn THSP trong GDDS:

- THSP để sử dụng trong dạy học GDDS không phải là những tình huống ngẫu nhiên, mà là hệ thống những tình huống giả định mang tính thực tiễn, phù hợp với mục đích, nhiệm vụ, nội dung và logic của chương trình GDDS.

- THSP phải phù hợp với mục đích, nội dung, nhiệm vụ dạy học của từng đơn vị kiến thức của môn GDDS, có thể là các tiểu chuyên đề (DS với chất lượng cuộc sống, GD giới tính, SKSS...) hay một chủ đề nhất định (Gia đình, bạn khác giới, tình bạn, tình yêu...).

- Tình huống lựa chọn phải vừa sức mới kích thích được tính tích cực của SV. Mức độ phức tạp tăng dần. THSP phải đảm bảo tính thực tiễn. THSP được lựa chọn phải tạo thành một hệ thống có tính liên tục, gắn kết được các phần kiến thức được hoặc sẽ được trang bị.

#### 4.4. Quy trình sử dụng THSP trong quá trình dạy học GDDS:

Quá trình DH theo THSP có các bước cơ bản sau:

*Bước 1:* GV nêu vấn đề và yêu cầu, nhiệm vụ giải quyết tình huống theo chủ đề GDDS lựa chọn.

*Bước 2:* Người học có chiến lược giải quyết vấn đề, thiết lập những giả thuyết và định hướng kiến thức cần vận dụng. Tổ chức phân tích tình huống, thu thập tài liệu, khai thác thông tin, trình bày những phương án giải quyết tình huống, lựa chọn một phương án tối ưu.

*Bước 3:* Tổ chức tranh luận, đối chiếu và đánh giá mức độ đạt được mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho mình về việc nắm tri thức, về kỹ năng giải quyết THSP, khả năng nhìn nhận, phân tích một vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

*Bước 4:* Giảng viên tổng kết, đánh giá và giúp người học rút ra kỹ năng, bài học kinh nghiệm giải quyết các THSP.

*Bước 5:* Người học tự lựa chọn tình huống mới và nhập vai một giáo viên tổ chức giải quyết THSP trong GDDS.

Các THSP được sử dụng có thể là một tình huống gần gũi trong thực tiễn xung quanh như vấn đề giữ được tình bạn khác giới mà không quan hệ tình dục trước hôn nhân; tư vấn cho

một trường hợp không sinh con thứ ba trái với tập quán tộc họ...; quan niệm về "sống thử" trong thanh niên; phòng tránh thai, HIV...; cũng có thể ở tầm vĩ mô như đánh giá chính sách dân số của một quốc gia; tìm phương án giải quyết bài toán dân số và chất lượng cuộc sống của một khu vực, một vùng dân cư...

## 5. Kết luận

GDĐS có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, không chỉ vì cuộc sống hiện tại, mà hơn hết là vì sự phát triển của xã hội tương lai. Người cán bộ quản lý nhà trường cần phải nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này, nhất là vai trò của nó đối với sự hình thành, phát triển nhân cách, ý thức công dân của người lao động trong tương lai đối với học sinh, sinh viên. Hoạt động GDĐS phải được hoạch định và thực hiện có kế hoạch, có tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra, đánh giá có nề nếp như các hoạt động chuyên môn khác trong nhà trường.

GDĐS vốn không phải là việc áp đặt, vì thế tốt hơn hết là làm cho việc thu nhận những kiến thức về GDĐS và kỹ năng tương ứng trở thành nhu cầu tự thân của mỗi công dân ngay trong nhà trường. Cần loại bỏ quan niệm nhìn nhận GDĐS như một môn học phụ bằng cách sử dụng các hình thức dạy học hấp dẫn, tổ chức các hoạt động dạy - học phù hợp, lôi cuốn sự tham gia tích cực, tự giác của mỗi thành viên trong lớp học.

Triển khai đồng bộ, thường xuyên công tác GDĐS trong nhà trường, đặc biệt ở các trường đại học và trường ĐHSPT sẽ góp phần quan trọng đảm bảo kiểm soát về số lượng và nâng cao chất lượng dân số nước ta trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22.3.2005 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách Dân số và Kế hoạch hóa gia đình*, Hà Nội.
- [2] Chính Phủ (2003), *Nghị định số 104/2003/NĐ-CP ngày 16.9.2003 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh dân số*, Hà Nội.
- [3] Huỳnh Thị Thu Hằng (2006), Sử dụng phương pháp dạy học - Giải quyết vấn đề dạy học Giáo dục học ở trường Đại học Sư phạm, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ số 5(17)*, Đại học Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Tấn Lê (2006), *Quản lý và tổ chức công tác Giáo dục dân số trong nhà trường (Đề cương bài giảng đào tạo Thạc sĩ Quản lý Giáo dục)*, Đại học Đà Nẵng.
- [5] Tổng cục Thống kê (2003), *Điều tra Quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam (công trình nghiên cứu do Tổng cục Thống kê và Bộ Y tế phối hợp thực hiện với sự hỗ trợ của WHO và UNICEF)*, Hà Nội.
- [6] Tienphong online (27.12.2006), *Dân số Việt Nam đạt 84 triệu người (trích báo cáo của Ủy ban Dân số - Gia đình - Trẻ em tại mít tinh kỷ niệm Ngày Dân số Việt Nam)*, Hà Nội.